TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 6 - 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vỉnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Giang T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Số 59, ấp KH1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Sĩ L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Giang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L do quen biết nên tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang vào ngày 29/5/2020. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình và lối sống không phù hợp với nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến khoảng đầu tháng 10/2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên và bản thân Chị T và anh L không có thiện chí hàn

gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Sĩ L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai và Biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2022, anh Nguyễn Văn Sĩ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T do quen biết nên tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang như chị T trình bày. Vợ chồng chung sống đến khoảng đầu tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là gì thì Anh L không biết, chỉ biết vào tháng 7/2021, chị T cho rằng Anh L có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay Anh L không đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của chị T vì Anh L còn thương vợ.

Về con chung: Anh L và chị T không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, Anh L và chị T có các khoản nợ chung sau:

+ Khoản vay 70.000.000 đồng: Anh L và chị T vay của Ngân hàng MIRAEASSET; vay từ tháng 10/2020, mục đích vay để cho người khác vay lại còn người nào vay thì Anh L không biết; Anh L là người ký tên trong hợp đồng và nhận tiền từ Ngân hàng; lúc vay thì Anh L có bàn bạc với chị T và chị T đồng ý cho vay; khi vay có thế chấp sổ bảo hiểm xã hội của Anh L.

+ Khoản vay 20.000.000 đồng: Anh L và chị T vay của Ngân hàng FE; vay từ tháng 10/2020, mục đích vay để cho người khác vay lại; Anh L là người ký tên trên hợp đồng và nhận tiền từ Ngân hàng; khi vay có thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe Vision, Biển kiểm soát số 67L2-370.35 do Anh L đứng tên chủ sở hữu.

Tất cả số tiền vay Anh L đã sử dụng vào chơi đồng tiền 9 Chian. Nay Anh L yêu cầu chị T phải cùng Anh L chịu trách nhiệm trả số nợ tổng cộng là 90.000.000 đồng: Chị T phải chịu 30% của 90.000.000 đồng là 27.000.000 đồng; Anh L chịu 70% của 90.000.000 đồng là 63.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Giang T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị T yêu cầu được ly hôn với Anh L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Sĩ L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Giang T đối với anh Nguyễn Văn Sĩ L. Đối với con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Giang T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Sĩ L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Văn Sĩ L (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2022, anh Nguyễn Văn Sĩ L có yêu cầu Tòa án xem xét phần nợ chung của vợ chồng đối với số tiền 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Văn Sĩ L thực hiện thủ tục tố tụng đối với yêu cầu này nhưng anh Nguyễn Văn Sĩ L không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt trong các phiên đối chất, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[1.3] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Sĩ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Sĩ L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Giang T và anh Nguyễn Văn Sĩ L kết hôn trên cơ sở tự nguyên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang ngày 29/5/2020 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị Giang T cho rằng, vợ chồng chung sống đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình và lối sống không phù hợp với nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến khoảng đầu tháng 10/2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên và bản thân Chị T và anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Nguyễn Văn Sĩ L cho rằng, vợ chồng chung sống đến khoảng đầu tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do phát sinh

mâu thuẫn là gì thì Anh L không biết, chỉ biết chị T cho rằng Anh L có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Giang T và anh Nguyễn Văn Sĩ L đều xác định, thời điểm phát sinh mâu thuẫn gay gắt giữa Chị T và anh L từ tháng 10/2021 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình 02 bên cũng như bản thân của Chị T và anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Chị T và anh L nhưng Anh L đều vắng mặt không có lý chính đáng nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, lời trình bày của chị T đối với mâu thuẫn giữa vợ chồng và tình trạng hôn nhân của Chị T và anh L là có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời, Anh L cho rằng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn đối với chị T nhưng Anh L cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vắng mặt không có lý do chính đáng trong các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, thể hiện Anh L không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Anh L, chị T. Đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T yêu cầu ly hôn Anh L phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Nguyễn Thị Giang T và anh Nguyễn Văn Sĩ L đều xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Giang T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Giang T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Giang T được ly hôn anh Nguyễn Văn Sĩ L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 82, ngày 29/5/2020 do Ủy ban nhân dân xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Giang T và anh Nguyễn Văn Sĩ L không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Giang T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0010162 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang